

Số: 2979 /QĐ-UBND

Sơn La, ngày 02 tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật xử lý chất thải rắn thành phố Sơn La

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương năm 2019;*

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020
ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của
Chính phủ quản lý chất thải và phế liệu;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết,
hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Quyết định số 2038/QĐ-TTg ngày 18 tháng 12 năm 2017 của Thủ
tướng Chính phủ phê duyệt Đề án hoàn thiện hệ thống định mức và giá xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 07/2017/TT-BXD ngày 15 tháng 5 năm 2017 của
Bộ Xây dựng về hướng dẫn phương pháp định giá dịch vụ xử lý chất thải
rắn sinh hoạt;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 465/TTr-SXD
ngày 23 tháng 11 năm 2021.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật xử lý chất thải rắn thành
phố Sơn La.

(Có nội dung định mức kèm theo)

Điều 2. Định mức kinh tế - kỹ thuật xử lý chất thải rắn thành phố Sơn La ban hành kèm theo Quyết định này là cơ sở áp dụng lập dự toán kinh phí xử lý chất thải rắn tại khu liên hợp xử lý chất thải rắn thành phố Sơn La.

Điều 3. Quy định chuyển tiếp

1. Dự toán kinh phí và đơn giá đặt hàng thực hiện quản lý, vận hành Nhà máy xử lý chất thải rắn thành phố Sơn La được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước thời điểm Quyết định này có hiệu lực được tiếp tục thực hiện các bước tiếp theo làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu và ký hợp đồng cung ứng dịch vụ công ích.

2. Quyết định này thay thế Quyết định số 3242/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2018 của UBND tỉnh Sơn La về Quy định giá tối đa dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại khu xử lý chất thải rắn thành phố Sơn La.

3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Xây dựng, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Khoa học và Công nghệ; Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND thành phố Sơn La và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các đ/c Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 4 (t/h);
- Trung tâm thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, TH, KT (Quý-3b). 25b.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Hồng Minh



Phụ lục

ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN THÀNH PHỐ SƠN LA

(Kèm theo Quyết định số 1939/QĐ-UBND ngày 02/12/2021 của UBND tỉnh)

I. TÊN ĐỊNH MỨC: Định mức kinh tế - kỹ thuật xử lý chất thải rắn thành phố Sơn La.

II. PHẠM VI ÁP DỤNG: Áp dụng cho việc lập dự toán kinh phí xử lý chất thải rắn tại khu liên hợp xử lý chất thải rắn thành phố Sơn La.

III. THÀNH PHẦN ĐỊNH MỨC

- (1) Định mức xử lý chất thải rắn tại khu xử lý phức hợp *(nhà phân loại)*.
- (2) Định mức xử lý chất thải rắn tại bãi chôn lấp.
- (3) Định mức vận hành trạm xử lý nước rỉ rác.

IV. CƠ CẤU ĐỊNH MỨC

1. Mức hao phí vật liệu: Là khối lượng vật liệu cần thiết để hoàn thành một đơn vị khối lượng sản phẩm của công việc.
2. Mức hao phí nhân công: Là số ngày công lao động của công nhân trực tiếp thực hiện để hoàn thành một đơn vị khối lượng sản phẩm của công việc.
3. Mức hao phí máy thi công: Là số ca sử dụng máy và thiết bị trực tiếp sử dụng để hoàn thành một đơn vị khối lượng sản phẩm của công việc.

V. CHI TIẾT ĐỊNH MỨC

5.1. RTSL.01.01 XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN TẠI KHU XỬ LÝ PHỨC HỢP (NHÀ PHÂN LOẠI)

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị các điều kiện, dụng cụ làm việc, trang thiết bị bảo hộ lao động.
- Xuất kho các nguyên liệu, nhiên liệu, hoá chất phục vụ công tác xử lý rác thải. Ghi chép nhật ký.
- Tiếp nhận các xe vận chuyển rác thải qua trạm cân điện tử, phun khử trùng.
- Đổ rác tại bãi tập kết trước nhà sơ bộ, phun khử trùng lần 2 và khử mùi.
- Xúc rác tại bãi tập kết vào trong nhà sơ bộ bằng máy xúc lật, xúc rác vào phiếu tiếp nhận lên lên băng chuyền bằng máy xúc gầu, đồng thời loại bỏ rác có kích thước lớn bằng thủ công.
- Phân loại rác trên sàng phân loại, sau sàng phân loại bằng thủ công.

- Rác hữu cơ thu được sau băng tải được xúc chuyển vào nhà ủ số 1 bằng máy xúc lật, thực hiện quy trình sản xuất phân bón.

- Rác vô cơ thu được sau phân loại và rác sót lại sau khi sản xuất phân bón được gom, tập kết lên xe, chuyển sang bãi chôn lấp rác thải.

- Bảo dưỡng nhỏ các thiết bị trong nhà máy, thí nghiệm kiểm tra chất lượng không khí khu vực nhà máy.

- Hết ca quét dọn đảm bảo vệ sinh khu vực bãi, khu vực cân điện tử, trạm rửa xe.

Yêu cầu kỹ thuật:

- Đảm bảo vệ sinh môi trường và an toàn lao động, phòng chống cháy nổ.
- Tinh chế rác hữu cơ có hiệu suất cao nhất để xử lý triệt để, bảo vệ môi trường, hiệu quả kinh tế, thu hồi được nhiều mùn hữu cơ sản xuất phân bón.
- Đảm bảo cho việc vận hành thiết bị được thông suốt từ khâu tuyển lựa, ủ lên men, ủ chín, tinh chế.

Đơn vị tính: 1 tấn chất thải rắn

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
RTSL.01.01	Xử lý chất thải rắn tại khu xử lý phức hợp (nhà phân loại).	Vật liệu		
		Thuốc diệt côn trùng	kg	0,01
		Chế phẩm vi sinh EM thứ cấp	lít	2,021
		Thuốc khử trùng, diệt khuẩn	kg	0,027
		Điện	kWh	4,4
		Nước sạch	m ³	0,17
		Nhân công		
		Kỹ sư bậc 4,0/8	công	0,06
		Nhân công bậc 3,5/7	công	0,67
		Máy thi công		
		Máy bơm xăng 5CV	ca	0,05
		Máy xúc gàu 0,8m ³	ca	0,013
		Máy xúc lật gàu 1,25 m ³	ca	0,027
		Xe ô tô tự đổ 10T	ca	0,027
		Máy khác	%	5

5.2. RTSL.02.01 XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN TẠI BÃI CHÔN LẤP

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị các điều kiện, dụng cụ làm việc, trang thiết bị bảo hộ lao động.
- Tiếp nhận các xe vận chuyển rác thải từ nhà xử lý sơ bộ.
- Đổ rác ra bãi thải, cào rác từ trên xe xuống, đảm bảo khi xe khỏi khu vực đổ không còn rác trên xe.
- Hướng dẫn cho xe ra khỏi bãi đảm bảo không gây ùn tắc, xa lầy.

- San các đồng rác thành bãi phẳng, đầm nén để ô tô có thể liên tiếp vào đổ rác.
- Rắc vôi, bokasi, phun thuốc diệt ruồi, khử mùi, diệt khuẩn.
- San lấp đất phủ để tạo mặt bằng ở bãi, tạo độ dốc thoát nước, gia cố nền đường để xe vào bãi an toàn.

- Hết ca vệ sinh phương tiện, tập trung về nơi quy định, giao ca.

Yêu cầu kỹ thuật:

- Độ dày lớp rác sau khi đầm nén để phủ đất là 2m.
- Độ dày lớp đất phủ là 0,15 m đến 0,3 m.

Đơn vị tính: 1 tấn chất thải rắn

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
RTSL02.01	Xử lý chất thải rắn tại bãi chôn lấp	Vật liệu		
		Thuốc diệt côn trùng	kg	0,005
		Chế phẩm vi sinh EM thứ cấp	lít	0,472
		Bokasi	kg	0,283
		Vôi bột	kg	0,283
		Đất phủ bãi	m ³	0,235
		Nhân công		
		Nhân công bậc 3,5/7	công	0,076
		Máy thi công		
		Máy ủi 110CV	ca	0,005
		Máy lu 18T	ca	0,005

5.3. RTSL.03.01 VẬN HÀNH TRẠM XỬ LÝ NƯỚC RỈ RÁC

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị các điều kiện, dụng cụ làm việc, trang thiết bị bảo hộ lao động.
- Kiểm tra hệ thống điện, hoá chất.
- Bật động cơ khoá máy bình lọc cho tan đều hoá chất tồn dư, tắt động cơ để chờ lắng dung dịch.

- Bơm hút nước rỉ rác, bơm định lượng hoá chất.

- Kiểm tra độ lắng, độ màu, pha mới lượng hoá chất để duy trì ổn định trong chu kỳ lọc tiếp theo.

- Khi xuất hiện bơm bùn nổi trên mặt bể lắng thì tiến hành xả mặt bể. Trường hợp lượng bùn lắng nhiều thì xả đáy và bơm rửa bể. Lượng bùn thải được đem đi xử lý theo chu trình tại nhà phân loại và bãi chôn lấp chất thải rắn.

- Thay định kỳ hàng tháng cát lọc.
- Kiểm tra, vệ sinh thiết bị, khu làm việc và giao ca.

Yêu cầu kỹ thuật:

- Đảm bảo vệ sinh môi trường và an toàn lao động, phòng chống cháy nổ.
- Kiểm tra thường xuyên chất lượng nước thải sau xử lý để điều chỉnh lượng hoá chất đạt tiêu chuẩn về an toàn môi trường.

Đơn vị tính: 1 ngày.đêm

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
RTSL.03.01	Vận hành trạm xử lý nước rỉ rác	Vật liệu		
		Keo tụ PAC	kg	2,0
		Chất trợ lắng polime	kg	0,2
		Chất ôxy hóa	lít	0,2
		Cát lọc	m ³	0,098
		Nhân công		
		Nhân công bậc 3,5/7	công	2,0
		Máy thi công		
		Máy bơm 24kW	ca	2,0